

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **101/2019/DSST**

Ngày: 28/6/2019

V/v tranh chấp: “*Chia di sản
thừa kế theo pháp luật*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ**
2. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2015/TLST-DS ngày
09 tháng 6 năm 2015 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật”.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX- DS ngày 21 tháng 5 năm
2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đào Thị Nh, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Trần Thị S, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền
Giang.

- Bùi Quang Nh, sinh năm 19xx. Địa chỉ: 461A, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh
Tiền Giang.

Bị đơn: Đào Văn Đ, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Khu phố Ch, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Thanh H- Văn phòng
luật sư Trần Thanh H, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Đào Thị G, sinh năm 19xx (Chết ngày xx/xx/20xx)

2/ Đào Văn B, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Đào Văn Nh, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp S, xã Th, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

4/ Đào Văn R, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: 617/34 đường B, phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Đào Thị Ngọc D, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: 1759 tỉnh lộ 10, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Đào Bá L, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: 28/52 đường D, Phường 2, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Đào Thị Thùy D, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

8/ Phạm Thị Thanh Tr, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Khu phố Ch, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9/ Phạm Thanh D, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

10/ Nguyễn Thị Thxx, sinh năm 19xx.

11/ Đào Phương Tr, sinh năm 19xx.

12/ Đào Thanh Tr, sinh năm 19xx.

13/ Đào Thanh Nh, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Khu phố Ch, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

14/ Phan Văn V, sinh năm 19xx.

15/ Đoàn Văn T, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị Trần Thị S, ông Bùi Quang Nh, ông Đào Văn Đ, các đương sự còn lại xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 8 năm 2015 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Đào Văn K (Chết năm 1962) và cụ Đoàn Thị H (Chết năm 2006) có 07 người con là: Đào Thị G, Đào Thị Nh, Đào Văn Nh, Đào Văn B, Đào Văn Đ, Đào Thị R, Đào Văn R. Nguồn gốc đất là của cụ K và cụ H mua của ông Trương T (Địa chính chế độ cũ). Khi còn sống cụ H có quản lý 70.000m² đất lúa, có chia trước cho ông B và ông Đ mỗi người 10.000 m² đất lúa, còn lại 50.000 m² đất lúa tại ấp Đ, xã V (Nay là khu phố 1, thị trấn V) và ấp X, xã K, huyện G. Năm 1983, do lớn tuổi đi đứng khó khăn nên cụ H để con trai trưởng là ông Nh và con gái là bà G đại diện đăng ký phần đất 33.000 m² tại ấp Đ, xã V (Nay là khu phố 1, thị trấn V) gồm thửa 1696 và thửa 1698. Phần diện tích đất còn lại tại ấp X, xã K cụ H để cháu nội là ông Đ (con ông Nh) đại diện làm thủ tục đăng ký và đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2006 cụ H chết, ông Nh và bà G tự ý

chia đất cho ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất 10.000 m² đất lúa thửa 1757 và thửa 171 tại ấp Đ, xã V (Nay là khu phố 1, thị trấn V), ông Đ tự làm thủ tục đứng tên riêng quyền sử dụng đất thửa 290 diện tích 4.370,5 m² đất lúa, ông Đ đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất 23.803,9 m² đất lúa gồm các thửa 98 diện tích 10.842,7 m² tại khu phố 1, thị trấn V, thửa 636 diện tích 1.940 m², thửa 637 diện tích 3.410 m², thửa 639 diện tích 2.850 m², thửa 640 diện tích 810 m², thửa 30 diện tích 3.951,2 m² tại ấp X, xã K. Số diện tích còn lại chia cho Đào Thị Tr (con ông Đ) đứng tên. Bà Nh yêu cầu ông Đ chia di sản thừa kế do cha mẹ của bà Nh chết để lại. Cụ thể là chia bà Nh được quyền sử dụng 7361,2 m² đất lúa gồm: Thửa số 637 diện tích 3.410 m² và thửa số 30 diện tích 3.951,2 tại ấp X xã K, huyện G, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00044 ngày 09/9/1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00953 ngày 18/9/2013 cấp cho hộ ông Đào Văn Đ.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Đào Văn Đ trình bày: Nguồn gốc đất là của cụ H nhưng ông Đ đã sử dụng đất từ trước năm 1990 cho đến năm 1996 cụ H bán lại ông Đ với số tiền 25.000.000 đồng. Vì là người trong gia đình nên không có làm giấy bán đất, nhưng có các con của cụ H biết nên có làm giấy xác nhận. Ông Đ là người đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất cho hộ từ năm 1997. Cụ H ở tại ấp 4, xã T nên không phải là thành viên trong hộ ông Đ. Khi còn sống cụ H đã chia đất cho các con nên khi cụ H qua đời không đứng tên quyền sử dụng đất nào. Các thửa đất trên là quyền sử dụng đất của hộ ông Đ, không phải là di sản thừa kế của cụ K và cụ H nên không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà Nh.

Vào năm 1990 ông Đ đã cho anh Đoàn Văn T thuê thửa đất 637 và thửa 638 (Nay là thửa 30), cho ông Phạm văn V thuê thửa đất 636 cho đến nay, không có giấy tờ thuê đất, không thỏa thuận thời gian thuê, giá thuê đất từ 320kg-340kg lúa/1.000 m² đất/ năm. Anh T và ông V sử dụng đất thuê từ năm 1990 cho đến nay, ông Đ không yêu cầu gì về việc thuê đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đào Thị G không có lời trình bày.

Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Đào Văn Nh trình bày: Cụ H ở tại ấp 4, xã T. Sau khi đã chia ruộng cho các con phần còn lại thửa 637 diện tích 3410 m² và một phần đất màu bờ kênh diện tích 1350 m² tại ấp X, xã K đến năm 1996 cụ H bán cho Đào Văn Đ với giá 25.000.000 đồng, thỏa thuận trong gia đình. Thửa đất ruộng này ông Đ đã trực tiếp quản lý canh tác từ năm 1975 cho đến nay, nên quyền sử dụng đất của cụ H không còn, nên không đồng ý yêu cầu của bà Nh chia di sản thừa kế. Ông Nh không yêu cầu gì, xin vắng mặt.

Trong đơn xin chứng thực ông Đào Văn B trình bày nội dung như ông Nh trình bày trên. Ông B xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đào Văn R trình bày như ông Nh, không đồng ý yêu cầu của bà Nh về chia di sản thừa kế. Ông R xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị Ngọc D, anh Đào Bá L, chị Đào Thị Thùy D thống nhất trình bày: Ông Đào Văn Đ (Chết năm 2014 có vợ là bà Đoàn Thị Kim D (Chết) và 03 người con là: Đào Thị Ngọc D, Đào Bá L và

Đào Thị Thùy D. Chị Ngọc D, anh L và chị Thùy D không có ý kiến gì về việc bà Nh yêu cầu chia di sản thừa kế đất, xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Thanh Tr và anh Phạm Thanh D thống nhất trình bày: Bà Đào Thị R (Chết năm 1995) có chồng là ông Phạm Văn V (Chết năm 2016) và 02 con là Phạm Thị Thanh Tr và Phạm Thanh D. Chị Tr và anh D không có ý kiến gì về việc bà Nh yêu cầu chia di sản thừa kế đất, không yêu cầu gì, xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Th, chị Đào Phương Tr, chị Đào Thanh Tr, Đào Thanh Nh thống nhất trình bày như ông Đ, không có yêu cầu khác, xin vắng mặt.

Trong bản tự khai và đơn xin vắng mặt, anh Đoàn Văn T và ông Phạm Văn V trình bày: Có thuê đất của ông Đ từ năm 1990 cho đến nay như ông Đ trình bày. Hiện nay anh T, ông V đang sử dụng đất thuê. Nếu Tòa xử ông Đ phải chia đất thừa kế cho bà Nh có liên quan đến phần đất thuê thì anh T, ông V đồng ý giao lại đất cho ông Đ để thi hành án. Anh T, ông V không yêu cầu gì, xin vắng mặt.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ đưa ra nhiều lý lẽ phân tích, đề nghị căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đào Thị Nh.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 167, 179 Luật Đất đai năm 2013, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày xx/xx/20xx bà Đào Thị G chết. Bà G có chồng đã chết, không có con nên không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

[1] Về thời hiệu: Theo Giấy chứng tử số 78/2014 ngày 01/12/2014 của UBND xã T chứng nhận cụ Đoàn Thị H sinh năm 1909 chết ngày 28/3/2006. Ngày 05/6/2015 bà Nh khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Thị H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ H vẫn còn.

[2] Về người thừa kế: Cụ Đào Văn K và cụ Đoàn Thị H có 07 người con là: Đào Thị G, Đào Thị Nh, Đào Văn Nh, Đào Văn B, Đào Văn Đ, Đào Thị R, Đào Văn R. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ H như trên.

[3] Về di sản: Cụ H chết không để lại di chúc. Phía nguyên đơn trình bày thửa đất 637 và thửa 638 (Nay là thửa 30) có nguồn gốc do cụ K và cụ H mua theo “*Tờ bán đứt ruộng hạng nhứt lập năm 1952*” (BL 152) nên xác định là di sản thừa kế. Ông Đ thống nhất nguồn gốc đất của cụ H, nhưng đã được cấp quyền sử dụng cho hộ ông Đ. Bởi vì ông trực tiếp sử dụng đất từ trước cho đến năm 1996 được cụ H chuyển nhượng giá 25.000.000 đồng, vì trong gia đình nên không làm giấy tờ chuyển nhượng đất, nhưng có các con của cụ H biết.

Xét việc chuyển nhượng đất như ông Đ trình bày là chưa thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 1993. Tuy nhiên, xét quá trình sử dụng, hiện trạng sử dụng đất: Hộ ông Đ trực tiếp sử dụng các thửa đất liên tục, ổn định trong thời gian dài. Hơn nữa có cơ sở xác định từ năm 1990, ông Đ là người cho anh T, ông V thuê đất sử dụng liên tục cho đến nay. Hàng năm anh T, ông V trả tiền thuê đất cho ông Đ tính theo giá lúa mỗi năm. Ngoài ra không có chứng cứ thể hiện cụ H là người sử dụng đất hay cho thuê đất.

Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thể hiện: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/1997 (BL 35) ông Đ là người kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng 14840 m² đất gồm 06 thửa, trong đó có các thửa 636, 637, 638 nay là thửa 73 và thửa 30, đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00044 ngày 09/9/1997 cho hộ ông Đ. Thời điểm cấp đất cụ H còn sống, nhưng cụ H và các con cụ H không có ý kiến, không tranh chấp gì. Đến khi hộ ông Đ lập thủ tục cấp đổi giấy, được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00953 ngày 18/9/2013 cho hộ ông Đào Văn Đ vẫn không xảy ra tranh chấp gì. Theo quy định Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ ông Đ.

Tại văn bản số 2392/CAH-QLHC ngày 10/12/2018 của Công an huyện G (BL 339) xác nhận: Thành viên hộ ông Đào Văn Đ tại thời điểm ngày 09/9/1997 gồm có: Đào Văn Đ, Nguyễn Thị Th, Đào Phương Tr, Đào Thanh Nh, Đào Thanh Tr. Như vậy, thời điểm cấp quyền sử dụng đất lần đầu cụ H không là thành viên hộ ông Đ, nên cụ H không có quyền sử dụng đất chung của hộ.

Lời trình bày của những người thừa kế theo pháp luật của cụ H xác định trước khi chết cụ H đã chia đất cho các con, năm 1996 cụ H chuyển nhượng đất cho cháu nội là ông Đ, nên khi cụ H chết không để lại quyền sử dụng đất.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp “*Tờ bán đứt ruộng hạng nhứt lập năm 1952*” (BL 152) và văn bản xác nhận của những người làm chứng chỉ xác nhận nguồn gốc đất của cụ H, chưa đủ cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất là di sản của cụ H. Bởi lẽ, cụ K, cụ H không có giấy tờ gì của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp quyền sử dụng đất. Do đó, theo quy định Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005 không có cơ sở xác định diện tích đất bà Nh khởi kiện là di sản của cụ Hải. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Xét đề nghị của luật sư có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà Nh không được chấp nhận nên bà Nh phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Tuy nhiên, do bà Nh là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 634, 674, 688 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Nh về việc yêu cầu ông Đào Văn Đ chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa số 637 diện tích 3.410 m² và thửa số 30 diện tích 3.951,2 tại ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00044 ngày 09/9/1997 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00953 ngày 18/9/2013 do UBND huyện G cấp cho hộ ông Đào Văn Đ.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị Nh. Bà Nh được nhận lại số tiền 3.128.000 đồng theo biên lai thu số 0033412 ngày 08/6/2015 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0033521 ngày 25/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Huỳnh Thị Tỏ

Trần Văn Dũng

